

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VỊ THANH
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số: 212/2023/HNGĐ-ST.

Ngày 23 – 8 – 2023.

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phan Như Nguyễn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Kim Bằng.

Ông Trần Thanh Nhân.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Chí Khánh. Thẩm tra viên Toà án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 23 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2023/TLST – HNGĐ, ngày 04 tháng 5 năm 2023, về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2023/QĐXXST - HNGĐ, ngày 20 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số: 98/2023/QĐST – HNGĐ, ngày 07 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị T.

Địa chỉ: Số 22B, đường 16, khu phố Gò Công, phường Long Thạnh Mỹ, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn L.

Địa chỉ: Ấp 4, xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện gửi Tòa án và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày: Chị và anh Phạm Văn L chung sống với nhau vào năm 2008, đến ngày 24/4/2009 có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Long Thạnh Mỹ, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại địa chỉ Số 22B, đường 16, khu phố Gò Công, phường Long Thạnh Mỹ, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, ngày 30/4/2009 anh Phạm Văn L bỏ đi về nhà cha mẹ ruột ở ấp 4, xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Sau đó chị có liên lạc với anh Phạm Văn L nhưng không liên lạc được. Chị và anh Lâm đã sống ly thân từ ngày 30/9/2009 đến nay.

Về con chung: có 01 con chung tên Phạm Hoàng L, sinh ngày 06/4/2009, đang sống với chị từ khi vợ chồng ly thân đến nay.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay chị Trần Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn L.

Về con chung: Chị Trần Thị T yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh Phạm Văn L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Trần Thị T vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn anh Phạm Văn L đã được tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng đều vắng mặt, nên chưa trình bày ý kiến và chưa đưa ra yêu cầu của mình.

Tại phiên tòa anh Phạm Văn L vẫn vắng mặt không có lý do.

Kèm theo đơn khởi kiện, chị Trần Thị T đã nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ là Giấy chứng nhận kết hôn giữa chị và anh Phạm Văn L (bản sao); Giấy khai sinh của con chung tên Phạm Hoàng L, sinh ngày 06/4/2009 (bản sao); anh Phạm Văn L không có nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Thị T và anh Phạm Văn L chung sống với nhau vào năm 2008 trên cơ sở tự nguyện, đến năm 2009 có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên quan hệ hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận là hợp pháp. Sau khi kết hôn thời gian không lâu thì phát sinh mâu thuẫn, khi có mâu thuẫn anh chị đã không tạo điều kiện hàn gắn mà để mâu thuẫn kéo dài ngày càng trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2009 đến nay, thời gian sống ly thân đến nay rất lâu không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Tòa án cũng tạo điều kiện hoà giải nhưng anh Phạm Văn L không đến Tòa án nên không hoà giải được, chị Trần Thị T thì vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân của anh chị đã thật sự trầm trọng, cuộc sống chung nếu kéo dài sẽ không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Phạm Văn L.

[2] *Về con chung*: Có 01 con chung tên Phạm Hoàng L (giới tính nam), sinh ngày 06/4/2009, đang sống với chị Trần Thị T. Chị Trần Thị T yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng, anh Phạm Văn L không có ý kiến. Xét thấy con chung tên Phạm Hoàng L (giới tính nam), sinh ngày 06/4/2009 hiện nay chưa thành niên nhưng đã hơn 07 tuổi, đã sống chung với mẹ là chị Trần Thị T từ khi cha mẹ ly thân đến nay, anh Phạm Văn L hiện nay cũng không có yêu cầu được nuôi con. Tòa án cũng đã tiến hành

lấy ý kiến của con chung thì cháu Phạm Hoàng L cũng thể hiện ý kiến là muốn sống chung với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quyết định giao con chung tên Phạm Hoàng L (giới tính nam), sinh ngày 06/4/2009 cho chị Trần Thị T được quyền nuôi dưỡng. Anh Phạm Văn L chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị Trần Thị T chưa có yêu cầu.

[3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Trần Thị T khai không có, anh Phạm Văn L cũng không có ý kiến, nên Hội đồng xét xử chưa xem xét. Nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết thành một vụ án khác theo quy định.

[4] *Án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn*: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc chị Trần Thị T phải chịu.

[5] *Đối với sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa*: Chị Trần Thị T là nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Phạm Văn L là bị đơn dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập đến dự phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Các điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Phạm Văn L.

2. Về con chung: chị Trần Thị T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Phạm Hoàng L (giới tính nam), sinh ngày 06/4/2009. Anh Phạm Văn L chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị Trần Thị T chưa có yêu cầu. Anh Phạm Văn L có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không sống chung với mình mà không ai được quyền cản trở.

3. Án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn: Buộc chị Trần Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Chuyển 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí chị Trần Thị T đã nộp theo biên lai thu số 0002023 ngày 27/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị T và anh Phạm Văn L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Vị Thanh;
- Chi cục THADS thành phố Vị Thanh;
- UBND phường Long Thành Mỹ, thành phố Thủ Đức, TP. HCM;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Như Nguyễn